

**TOÀN ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 58/2020/HS-ST
Ngày 23/6/2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Trọng Thịnh.*
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Long, Ông Trương Văn Tiến
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trí Tuấn
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc S, Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 26/02/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HS ngày 22 / 4 /2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985 tại huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi cư trú: thôn Trần Xá, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do – Trình độ văn hoá: lớp 07/12.

Dân tộc: Kinh ; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1955 (chết)

Con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1957 (chết).

Vợ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1987

Con: có 03 con lớn sinh năm 2007 nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2020 đến nay (có mặt tại phiên toà).

Người bào chữa cho bị cáo là ông Nguyễn Văn H, Luật sư – Công ty luật Hợp danh Anh Vũ – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Anh Nguyễn Viết S, sinh năm 1991.

HKTT; thôn 8, xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Phùng Đắc H, sinh năm 1995

Trú tại: thôn Lương Tân, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (có mặt tại phiên tòa).

Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1987.

Trú tại: thôn Trần Xá, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSYP ngày 20/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong truy tố hành vi phạm tội của bị cáo:

Tối ngày 02/6/2019 gia đình bị cáo Th tổ chức lễ đầy tháng con và mời anh Nguyễn Viết S (hiện đang thuê trọ nhà bị cáo) đến tham dự. Sau khi ăn cơm xong, bị cáo Th đi chơi còn anh S về phòng trọ ngủ. Đến khoảng 02 giờ ngày 03/6/2019, bị cáo Th gọi điện thoại cho anh S hỏi mượn xe anh S chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, S màu vàng, BKS 99A – 200.64 để đi chơi và hẹn đến sáng sẽ mang xe về trả, anh S đồng ý và hẹn bị cáo Th ra vị trí để xe ô tô ở gần nhà Th. Khi gặp anh S đưa chìa khóa xe ô tô cho bị cáo Th mượn và tiếp tục về phòng trọ ngủ. Bị cáo Th điều khiển xe ô tô của anh S đi chơi đến khoảng 03 giờ cùng ngày thì nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe ô tô mượn của anh S để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Do biết anh Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1989 ở cùng thôn đã từng làm dịch vụ cầm đồ nên bị cáo Th đã gọi điện hỏi chỗ cầm cố xe. Vì là chỗ quen biết nên anh Thắng biết bị cáo Th có thời gian làm nghề lái xe taxi, nghĩ là bị cáo Th hỏi chỗ cầm cố xe ô tô của Th nên gọi điện cho anh Phùng Đắc H (là anh em họ anh Thắng) có anh Th người cùng làng anh đang muốn cầm cố xe ô tô của anh ấy, em nhận cầm không. Anh H đồng ý, sau anh Thắng cho bị cáo Th số điện thoại của anh H để bị cáo Th liên lạc với anh H. Khoảng 15 phút sau thì anh H đến, bị cáo Th nói với anh H đây là xe ô tô của Th mua lại, giấy tờ để trong xe. Anh H kiểm tra thì thấy giấy tờ xe nên đồng ý nhận cầm với giá 50.000.000đ. Do anh H không đăng ký kinh doanh nên giữa anh H và bị cáo Th lập hợp đồng mua bán xe ô tô, sau đó anh H đưa cho Th 50.000.000đ, số tiền trên bị cáo Th đã tiêu sài hết và không có khả năng chuộc

xe trả lại cho anh S. Đến sáng ngày 03/6/2019 không thấy bị cáo Th mang xe về trả, anh S đã nhiều lần liên lạc với bị cáo Th để đòi xe nhưng không liên lạc được, sau anh S gặp gia đình bị cáo Th để nói chuyện bị cáo Th nhận đã cầm cố chiếc xe của anh S và hẹn sẽ chuộc xe trả lại cho anh S, xong đến ngày 30/7/2019 bị cáo Th vẫn không chuộc xe trả lại cho anh S, nên anh S đã đến Công an huyện Yên Phong trình báo sự việc.

Ngày 19/8/2019 chị Nguyễn Thị V (là vợ bị cáo Th) đã trả trước cho anh H số tiền 30.000.000đ để chuộc xe ô tô cùng giấy tờ xe về trả cho anh Nguyễn Viết S.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 74/KL-ĐG ngày 30/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Yên Phong định giá chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS 99A-200.64 đã qua sử dụng tại thời điểm xảy ra vụ việc là 390.000.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Viết S đã nhận lại xe và không yêu cầu bị cáo pH bồi thường gì, anh Phùng Đắc H yêu cầu bị cáo Th pH hoàn trả số tiền 20.000.000đ còn thiếu khi nhận cầm cố xe.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Văn Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo.

Với hành vi trên Cáo trạng của VKSND huyện Yên Phong đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th với tội danh “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo Th khai nhận: Toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 điều 175 BLHS là đúng người đúng tội và đúng pháp luật không có oan sai gì, còn khi bị cáo mang xe đi cầm cố cho Phùng Đắc H, bị cáo nói là xe của bị cáo chứ bị cáo không nói cho anh H biết là xe mượn của anh S, số tiền bị cáo cầm xe cho anh H, được anh H đưa 48.000.000đ chứ không pH là 50.000.000đ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, số tiền trên bị cáo ăn tiêu cá nhân hết. Sau khi bị cáo biết hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo đã bàn bạc với vợ bị cáo là Xuân thu xếp tiền để chuộc xe trả cho anh S. Số tiền còn lại mà anh H yêu cầu bị cáo pH trả tiếp bị cáo đồng ý trả cho anh H số tiền là 15.000.000đ. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo cải tạo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

Anh S trình bày: anh đã nghe rõ lời khai của bị cáo Th tại phiên tòa hôm nay về thời gian, không gian địa điểm cũng như hành vi phạm tội của bị cáo Th là hoàn toàn đúng anh không có bổ xung gì, còn khi anh cho bị cáo Th mượn xe thì bị cáo Th nói đi chơi chứ không nói là mượn xe để đi cầm cố, nếu bị cáo Th nói mượn xe để đi cầm cố thì anh sẽ không cho bị cáo mượn, vì anh và bị cáo Th có thời gian cùng làm nghề lái xe taxi với nhau nên quen biết nhau. Chiếc xe ô tô BKS 200.64 đến nay anh đã nhận lại và không hư hỏng gì anh không có ý kiến gì về trách nhiệm dân sự, còn về trách nhiệm hình sự anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th để bị cáo cải tạo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

Anh H trình bày: Vào khoảng 04 giờ ngày 03/6/2019 anh có nhận cầm chiếc xe ô tô BKS 99A – 200.64 của bị cáo Th với giá là 48.000.000đ chứ không phải là 50.000.000đ như lời khai của anh tại Cơ quan điều tra, còn khi cầm xe bị cáo Th nói là xe của bị cáo nên anh tin tưởng Th mới cầm, sau anh mới biết chiếc xe trên là bị cáo Th mượn của anh S đem đi cầm cố, đến nay gia đình bị cáo Th đã trả cho anh được 33.000.000đ còn lại 15.000.000đ anh yêu cầu bị cáo Th phải hoàn trả anh. Còn chiếc xe anh đã trả lại cho gia đình bị cáo Th để trả cho anh S, ngoài ra anh không có ý kiến gì khác.

Chị V trình bày: chị đã nghe rõ lời khai của bị cáo Th cũng như lời khai của anh S, anh H về thời gian không gian địa điểm hành vi phạm tội của bị cáo Th chị không có ý kiến gì, còn sau khi chị biết việc chồng chị là bị cáo Th phạm tội, bị cáo Th và chị đã bàn bạc và thu xếp tiền để trả cho anh H chuộc lại xe để trả cho anh S, đến nay chị đã trả cho anh H được 33.000.000đ, nay chị không yêu cầu bị cáo Th phải hoàn trả chị số tiền trên.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Yên Phong thực hành quyền công tố đã phân tích đánh giá chứng cứ hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo giữ nguyên bản Cáo trạng số 20/CT-VKSYP ngày 20/02/2020 đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” áp dụng khoản 3 điều 175, điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 BLHS. Xử phạt Th từ 6 năm đến 6 năm 06 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 BLHS

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th pH hoàn trả anh Phùng Đắc H số tiền 15.000.000đ.

Về vật chứng: không

Luật sư Học trình bày: luật sư nhất trí với hành vi phạm tội của bị cáo Th như cáo trạng của VKS đã truy tố và lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là đúng người đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai gì, kể cả các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và miễn hình phạt bổ xung cho bị cáo, xong về mức hình phạt đại diện VKS đề nghị đối với bị cáo là quá cao không phù hợp với các tình tiết giảm nhẹ được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự, cũng như NQ số 01 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn. Do vậy ông đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra ông Học còn cho rằng tính hợp pháp của chiếc xe ô tô BKS 99A – 200.64, cũng như biên bản định giá tài sản về giá trị chiếc xe trên.

Đại diện VKS tranh luận với luật sư về tính hợp pháp của chiếc xe ô tô BKS 99A – 200.64 của anh Nguyễn Viết S chủ sở hữu là của anh S, tuy anh S chưa làm thủ tục sang tên xong anh S là người mua và hiện nay anh S vẫn đang quản lý sử dụng để hoạt động bình thường. Còn về mức hình phạt mà luật sư cho rằng là không phù hợp với các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, với hành vi phạm tội của bị cáo cũng như điều luật để truy tố bị cáo là thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên VKS đề nghị mức hình như trên là phù hợp. VKS vẫn giữ nguyên quan điểm của VKS tại phiên tòa.

Luật sư Học không có tranh luận gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với đơn trình báo lời khai của người bị hại, người liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ ngày 03/6/2019 bị cáo Nguyễn Văn Th đã mượn chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, S màu vàng, BKS 99A-200.64 trị giá 390.000.000đ của anh Nguyễn Viết S để làm phương tiện đi lại. Sau bị cáo Th đã mang cầm cố chiếc xe

trên với giá 48.000.000đ, số tiền trên bị cáo Th ăn tiêu cá nhân hết không có khả năng chuộc xe trả lại cho anh S được.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương, bởi lẽ bị cáo đã lợi dụng lòng tin của anh S bị cáo đã mang xe đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu cá nhân hết nay không có khả năng chuộc lại xe để trả cho anh S. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục chung và phòng ngừa riêng đối với bị cáo.

Xét tính chất mức độ thấy: Tính chất mức độ là rất nghiêm trọng, bị cáo coi thường pháp luật lợi dụng sự tin tưởng của anh S bị cáo đã có hành vi mang chiếc xe ô tô mượn được của anh S đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu cá nhân.

Xét về nhân thân thấy: bị cáo chưa có tiền án tiền sự, lần đầu bị đưa ra xét xử, do vậy khi lượng hình cũng cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xong cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định thì mới có thể cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện và có ích cho xã hội.

Xét tình tiết giảm nhẹ thấy: Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, khoản 1, 2 điều 51 BLHS. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích ở trên nên chỉ cần phạt bị cáo ở mức trên khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện và có ích cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS 99A-200.64 gia đình bị cáo đã chuộc lại để trả cho anh Nguyễn Viết S, anh S nhận lại đầy đủ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Riêng số tiền mà bị cáo Th cầm cố chiếc xe ô tô lấy 48.000.000đ đến nay gia đình bị cáo mới trả cho anh H được 33.000.000đ, nay anh H có yêu cầu bị cáo phải trả nốt số tiền 15.000.000đ chưa trả cho anh H, xét thấy yêu cầu trên của anh H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật cần được chấp nhận.

Về vật chứng: không.

Liên quan trong vụ án có: anh Phùng Đắc H là người đã nhận cầm cố chiếc xe ô tô Toyota Vios, BKS 99A-200.64 của bị cáo Th, tuy nhiên anh H không biết chiếc xe trên là do phạm tội mà có do đó Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là phù hợp.

Ngày 13/01/2020, Chủ tịch UBND huyện Yên Phong đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh H về hành vi “Hoạt động kinh doanh, ngành nghề có điều kiện về an ninh trật tự mà không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự “bằng hình thức phạt tiền”.

Đối với chiếc điện thoại mà bị cáo Th dùng để liên lạc với anh H để cầm cố xe. Trong quá trình sử dụng, bị cáo Th đã làm rơi mất, không biết rơi ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ truy tìm thu giữ và xử lý.

Việc truy tố và điều luật do Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật, xong mức hình phạt là cao, chưa phù hợp với các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được hưởng.

Bị cáo PH chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” .

Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Văn Th 5 năm 06 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt 09/6/2020 nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giam trước từ ngày 25/9/2019 đến ngày 25/10/2019.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th PH hoàn trả anh Phùng Đắc H 15.000.000đ

Về vật chứng: không.

Áp dụng điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn Th PH chịu 200.000đ án phí HS-ST và 735.000đ án phí DS-ST.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó PH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy

định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không thỏa thuận thì thiện hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Yên Phong ;
- Công an huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà.

Lương Trọng Thịnh